

tinh.

- Sửa đổi cụm từ “*khoanh nợ không tính lãi đối với dư nợ bị thiệt hại*” tại khoản 2 Điều 12 thành “*khoanh nợ không tính lãi đối với dư nợ bị thiệt hại của khách hàng từ thời điểm xảy ra thiệt hại*”. Theo đó, thời điểm bắt đầu khoanh nợ xác định theo thời điểm xảy ra thiệt hại.

Lý do sửa đổi: Căn cứ thực tế xử lý các đề nghị khoanh nợ trong thời gian qua (khoanh nợ do đợt rét đậm, rét hại tháng 1/2016 tại Bắc Kạn; do thiên tai lũ lụt tháng 11/2016 tại Phú Yên; do cơn bão số 12 tháng 11/2017 tại Phú Yên, Khánh Hòa; do thiên tai năm 2020 trên địa bàn tỉnh Lai Châu), NHNN thấy cần quy định rõ hơn về *thời điểm xảy ra thiệt hại, số dư nợ bị thiệt hại, thời điểm bắt đầu khoanh nợ, văn bản thông báo tình trạng thiên tai, dịch bệnh trên phạm vi rộng của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* để tạo điều kiện thuận lợi hơn cho công tác khoanh nợ, đảm bảo người dân được hỗ trợ kịp thời, đúng quy định của pháp luật.

3.3. Bổ sung khoản 5 vào Điều 7 về nguồn vốn cho vay. Theo đó, ngoài các nguồn vốn đã quy định tại Nghị định 55/2015/NĐ-CP (nguồn vốn tự có, huy động, vốn nhận tài trợ, vốn vay, nhận ủy thác), dự thảo Nghị định bổ sung thêm nguồn vốn cho vay khác của TCTD.

Lý do bổ sung: Hiện nay nguồn vốn của TCTD rất đa dạng và từ nhiều kênh khác nhau. Do đó, Nghị định bổ sung thêm “nguồn vốn cho vay khác” để đảm bảo bao phủ tất cả các nguồn vốn có thể cho vay của TCTD.

3.4. *Sửa đổi về mức cho vay không có tài sản bảo đảm* đối với cá nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và chủ trang trại tại khoản 2 Điều 9 như sau:

- Tối đa 300 triệu đồng đối với cá nhân, hộ gia đình;
- Tối đa 500 triệu đồng đối với tổ hợp tác và hộ kinh doanh;
- Tối đa 03 tỷ đồng đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chủ trang trại.

Lý do sửa đổi: Để phù hợp với nhu cầu vốn phục vụ sản xuất nông nghiệp của từng đối tượng khách hàng (trên cơ sở kết quả khảo sát, làm việc thực tế tại một số địa phương trong quá trình tổng kết chính sách). Theo đó, mức cho vay không có tài sản bảo đảm đối với cá nhân, hộ gia đình tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 9 được tăng từ mức 100-200 triệu đồng lên mức 300 triệu đồng; tổ hợp tác và hộ kinh doanh tại điểm d được tăng từ mức 300 triệu đồng lên mức 500 triệu đồng (bằng với mức tại điểm đ); hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chủ trang trại tại các điểm e, g được tăng từ mức 01 - 03 tỷ đồng lên mức 03 tỷ đồng (bằng với mức tại điểm h).

Sau mức nâng nêu trên, các điểm sau được được gộp chung thành 01 điểm: gộp điểm a, b, c (mức 300 triệu đồng); gộp điểm d, đ (mức 500 triệu đồng); gộp điểm e, g, h (mức 03 tỷ đồng).

3.5. *Sửa đổi quy định về nộp giấy xác nhận chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đất không có tranh chấp* tại khoản 3 Điều 9 và khoản 2 Điều 22:

NHNN đề xuất 02 phương án: (i) Phương án 1: Thay thế cụm từ “*Giấy xác nhận chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đất không có tranh chấp do Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận*” tại khoản 3 Điều 9 và khoản 2 Điều 22 bằng cụm từ “*Giấy xác nhận đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng chưa được cấp do Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận*”; (ii) Phương án 2: Bỏ quy định tại các khoản này.

Lý do sửa đổi và đề xuất 02 phương án: Trong quá trình NHNN và các bộ, cơ quan khảo sát thực tế tại các địa phương, có một số ý kiến đề nghị bỏ quy định này (Phương án 2), do: (i) Đây không phải là biện pháp bảo đảm theo quy định tại Nghị định 99/2022/NĐ-CP; (ii) Có thể phát sinh trường hợp các cơ quan có thẩm quyền yêu cầu TCTD hoàn trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để phục vụ quá trình thụ lý vụ án, xử lý tranh chấp. Tuy nhiên, một số TCTD cho vay nông nghiệp, nông thôn lớn (như Agribank) đề nghị không bỏ quy định này mà chỉ sửa theo hướng phù hợp hơn với thực tế (Phương án 1) nhằm mục đích nâng cao trách nhiệm của khách hàng khi vay vốn không có tài sản bảo đảm tại TCTD.

NHNN đề xuất lựa chọn Phương án 01.

3.6. Sửa đổi tên Điều 12 đã được sửa đổi tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 116/2018/NĐ-CP thành: “**Điều 12. Giữ nguyên nhóm nợ, khoanh nợ và cho vay mới**” (bỏ cụm từ “*cơ cấu lại thời hạn trả nợ*”), đồng thời sửa đổi nội dung tại khoản 1 Điều 12 như sau:

“1. Tổ chức tín dụng được giữ nguyên nhóm nợ đối với khoản nợ có số dư nợ gốc, lãi đã được cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc tổ chức tín dụng cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với khách hàng gặp khó khăn do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng quy định tại Nghị định này; đồng thời căn cứ vào tính khả thi của dự án, phương án sản xuất kinh doanh, khả năng trả nợ của khách hàng để xem xét cho vay mới nhằm giúp khách hàng khắc phục khó khăn, ổn định sản xuất, thực hiện trả được nợ cũ và nợ mới cho tổ chức tín dụng.”.

Tương ứng với nội dung sửa khoản 1 Điều 12 nêu trên, nội dung tại khoản 2 Điều 13 được sửa như sau:

“2. Khoản nợ được giữ nguyên nhóm nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định này còn trong hạn theo thời hạn cơ cấu lại, tổ chức tín dụng không thực hiện điều chỉnh, phân loại lại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro cao hơn theo quy định về phân loại tài sản có trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Trường hợp khoản nợ này quá hạn theo thời hạn cơ cấu lại mà không được tiếp tục cơ cấu lại thời hạn trả nợ hoặc không còn số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với khách hàng gặp khó khăn do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng quy định tại Nghị định này, tổ chức tín dụng thực hiện phân loại nợ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về phân loại tài sản có trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.”.

Lý do sửa đổi, bổ sung:

- Nghị định kế thừa quy định chính sách “giữ nguyên nhóm nợ” tại Nghị định 55/2015/NĐ-CP để tạo điều kiện cho khách hàng trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng. Tuy nhiên, NHNN sửa đổi nội dung quy định này theo hướng *cho phép giữ nguyên nhóm nợ đối với đối với khoản nợ có số dư nợ gốc, lãi đã được cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định của NHNN* để phù hợp với quy định tại Luật các tổ chức tín dụng và đồng bộ với quy định tại Nghị định 86/2024/NĐ-CP ngày 11/7/2024 của Chính phủ:

+ Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 quy định: *Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ của tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định của Thống đốc NHNN*. Theo đó, nội dung cơ cấu lại thời hạn trả nợ tại Nghị định số 55/2015/NĐ-CP và Nghị định số 116/2018/NĐ-CP sẽ được hướng dẫn cụ thể tại Thông tư của NHNN (sửa đổi, bổ sung Thông tư 10/2015/TT-NHNN).

+ Khoản 4 Điều 2 và khoản 7 Điều 4 Nghị định số 86/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định:

Các khoản nợ mà Chính phủ có quy định về mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro khác với quy định tại Nghị định này thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện theo quy định đó của Chính phủ.

Trường hợp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ có quy định, quyết định về phân loại tài sản có của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mà không có quy định về trích lập dự phòng rủi ro thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện trích lập dự phòng rủi ro theo quy định tại Nghị định này trên cơ sở nhóm nợ được phân loại theo quy định, quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Bỏ quy định về *Tổ chức tín dụng thực hiện xử lý rủi ro cho vay đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn theo quy định của pháp luật* tại khoản 2 Điều 13 Nghị định 55/2015/NĐ-CP vì việc xử lý rủi ro đã được quy định tại Luật các tổ chức tín dụng, các văn bản hướng dẫn (Nghị định của Chính phủ, Thông tư của NHNN).

3.7. Bổ sung Điều 15a về *chính sách tín dụng khuyến khích sản xuất nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn*

Khách hàng có dự án, phương án sản xuất kinh doanh sản phẩm nông nghiệp hữu cơ theo quy định của pháp luật về nông nghiệp hữu cơ hoặc dự án, phương án sản xuất kinh doanh sản phẩm nông nghiệp đáp ứng tiêu chí về kinh tế tuần hoàn theo quy định pháp luật về kinh tế tuần hoàn³ được hưởng chính sách tín dụng tương tự như khách hàng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, liên kết trong sản xuất nông nghiệp, cụ thể: (i) Được xem xét cho vay không có tài sản bảo đảm tối đa bằng 70% giá trị của dự án, phương án; (ii) Trường hợp khách hàng

³ Khái niệm sản phẩm nông nghiệp hữu cơ theo Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ; mô hình kinh tế tuần hoàn theo Điều 142 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 138 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng được tổ chức xem xét cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ, khoan nợ không tính lãi tối đa 03 (ba) năm.

Lý do bổ sung: Thực hiện theo chỉ đạo, định hướng của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và đề khuyến khích người dân, doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp theo các mô hình mới, phù hợp với xu thế phát triển nông nghiệp hiện nay.

3.8. Sửa đổi quy định về việc thụ hưởng chính sách quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP:

NHNN đề xuất 02 Phương án: (i) *Phương án 1*: Trường hợp đồng thời có nhiều chính sách hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho khách hàng bị thiệt hại do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng, khách hàng vẫn được xem xét khoan nợ theo quy định tại Nghị định này; (ii) *Phương án 2*: Trường hợp đồng thời có nhiều chính sách hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho khách hàng bị thiệt hại do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng, khách hàng được lựa chọn thụ hưởng một chính sách hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.

Lý do sửa đổi và đề xuất 02 phương án: Thực tế phát sinh trường hợp khách hàng đã được hưởng chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh theo quy định tại Nghị định 02/2017/NĐ-CP của Chính phủ (hiện đã được thay thế bởi Nghị định 09/2025/NĐ-CP) nhưng khách hàng vẫn đề nghị được hỗ trợ khoan nợ đối với phần vốn vay ngân hàng do khách hàng hiểu đây là chính sách hỗ trợ về tín dụng do thiên tai, dịch bệnh, khác với chính sách hỗ trợ thiệt hại (tiêu hủy vật nuôi, khôi phục vùng nuôi trồng bị thiệt hại...) và việc được khoan nợ trong thời gian khó khăn sẽ giúp khách hàng nhanh chóng ổn định cuộc sống, khôi phục hoạt động sản xuất, kinh doanh (*Phương án 1*). Tuy nhiên, cũng có ý kiến cho rằng hai chính sách trên đều có nguồn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và như vậy cùng một khách hàng sẽ cùng lúc được hưởng 2 lần hỗ trợ từ ngân sách nhà nước tại cùng một thời điểm; do đó chỉ nên cho phép áp dụng 01 chính sách (*Phương án 2*).

NHNN đề xuất lựa chọn Phương án 01.

3.9. Ngoài ra, dự thảo Nghị định cũng thay thế một số cụm từ, sửa đổi tên một số Điều; đồng thời, thay thế, bãi bỏ một số cụm từ, Điều, khoản của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP và Nghị định số 116/2018/NĐ-CP cho phù hợp với thực tế và đồng bộ với các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

4. Đánh giá tác động của các giải pháp

4.1. Tác động về kinh tế - xã hội:

- Việc sửa đổi, bổ sung các chính sách theo đề xuất tại mục III nêu trên sẽ đáp ứng tốt hơn nhu cầu vốn phục vụ sản xuất, kinh doanh của người dân, doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp hiện nay, tiếp tục phát huy những hiệu quả đã đạt được trong triển khai chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, thông qua đó đóng góp tích cực vào sự phát triển của ngành nông nghiệp cả về tốc độ tăng trưởng, quy mô và trình độ sản xuất, đảm bảo phù hợp với các chỉ đạo của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (như đã nêu tại mục I).

- Quy định nâng mức cho vay không có tài sản bảo đảm đối với các đối tượng khách hàng cá nhân, hộ gia đình, chủ trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã giúp khách hàng được vay vốn không có tài sản bảo đảm ở mức cao hơn, qua đó góp phần mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo việc làm, nâng cao thu nhập, đời sống.

- Việc sửa đổi tên NHNN chi nhánh, các Bộ phù hợp với kết quả sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ hiện nay.

- Quy định bổ sung những đối tượng sản xuất nông nghiệp mới (nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn) khuyến khích người dân, doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp theo các mô hình mới, phù hợp với xu thế phát triển nông nghiệp hiện nay.

- Một số khái niệm được bổ sung tạo điều kiện thuận lợi hơn cho công tác khoanh nợ, xử lý rủi ro, đảm bảo người dân được hỗ trợ kịp thời, đúng quy định của pháp luật.

4.2. Tác động đối với hệ thống pháp luật: Một số quy định được bãi bỏ, sửa đổi để phù hợp, đồng bộ với quy định pháp luật hiện hành (Luật các tổ chức tín dụng năm 2024, Nghị định 86/2024/NĐ-CP...).

4.3. Tác động về thủ tục hành chính: Nghị định này không quy định thủ tục hành chính, do đó, không làm phát sinh các vấn đề liên quan về thủ tục hành chính.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam kính trình Chính phủ Báo cáo đánh giá tác động của chính sách tại dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn. *Khang*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Tư pháp (để thẩm định);
- Thống đốc NHNN (để b/c);
- PTĐ Đào Minh Tú;
- Lưu: VP, VTDCNKT, TD2.(02).TTMNhật. *u*

**KT.THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC**



Đào Minh Tú

Số: /2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025



NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ

1. Sửa đổi khoản 12 Điều 3 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP như sau:

“12. Nguyên nhân khách quan, bất khả kháng bao gồm:

a) Các nguyên nhân xảy ra làm thiệt hại đến vốn, tài sản của dự án hoặc phương án vay vốn: các loại thiên tai theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai; các dịch bệnh, dịch hại theo quy định của pháp luật về dịch bệnh, dịch hại (tại Nghị định này gọi chung là dịch bệnh); hỏa hoạn mà bên được cấp tín dụng không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết trong khả năng cho phép;

b) Nhà nước thay đổi chính sách hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của khách

hàng: không còn nguồn cung cấp nguyên vật liệu; mặt hàng sản xuất, kinh doanh bị cấm, bị hạn chế theo quy định của pháp luật; khách hàng phải thực hiện việc chuyển đổi sản xuất, kinh doanh theo quyết định của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Các nguyên nhân khách quan, bất khả kháng khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.”

2. Bổ sung khoản 14, 15, 16, 17 vào Điều 3 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP như sau:

“14. Thời điểm xảy ra thiệt hại là thời điểm được xác định theo một trong các căn cứ về nguyên nhân khách quan, bất khả kháng sau:

a) Đối với trường hợp thiên tai, dịch bệnh trên phạm vi rộng: Ngày đầu tiên trong khoảng thời gian xảy ra thiên tai tại văn bản thông báo tình trạng thiên tai, dịch bệnh trên phạm vi rộng của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Đối với trường hợp nguyên nhân khách quan, bất khả kháng khác:

(i) Đối với trường hợp thiên tai: Ngày đầu tiên trong khoảng thời gian xảy ra thiên tai theo xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã;

(ii) Đối với trường hợp dịch bệnh: Ngày đầu tiên trong khoảng thời gian diễn ra dịch bệnh theo văn bản công bố dịch bệnh theo quy định pháp luật về dịch bệnh, thú y, bảo vệ kiểm dịch thực vật;

(iii) Đối với trường hợp hỏa hoạn: Ngày đầu tiên trong khoảng thời gian xảy ra hỏa hoạn theo xác nhận của cơ quan phòng cháy và chữa cháy về hỏa hoạn;

(iv) Đối với trường hợp nhà nước thay đổi chính sách hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của khách hàng: Ngày có hiệu lực của văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

(v) Đối với trường hợp nguyên nhân khách quan, bất khả kháng khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Ngày ban hành văn bản của Thủ tướng Chính phủ.

15. Số dư nợ bị thiệt hại của một tài sản là số dư nợ gốc của tất cả các khoản vay của khách hàng tại một tổ chức tín dụng để hình thành nên tài sản bị thiệt hại tại thời điểm xảy ra thiệt hại được xác định tương ứng theo tỷ lệ thiệt hại của tài sản đó.

16. Số dư nợ bị thiệt hại của khách hàng là tổng số dư nợ bị thiệt hại của các tài sản theo quy định tại khoản 15 Điều này.

17. Văn bản thông báo tình trạng thiên tai, dịch bệnh trên phạm vi rộng là văn bản hành chính được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành để thực hiện chính sách khoanh nợ theo quy định tại Nghị định này, bao gồm các thông tin

chính sau: loại thiên tai, dịch bệnh; phạm vi ảnh hưởng trên phạm vi rộng của thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh; ngày bắt đầu, kết thúc (hoặc đang tiếp diễn) của thiên tai, dịch bệnh; nội dung chỉ đạo các tổ chức, cá nhân có liên quan lập, hoàn thiện hồ sơ khoanh nợ theo quy định.”

3. Bổ sung khoản 5 vào Điều 7 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP như sau:

“5. Các nguồn vốn cho vay khác của tổ chức tín dụng.”

4. Sửa đổi khoản 2 Điều 9 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP đã được sửa đổi tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 116/2018/NĐ-CP như sau:

“2. Cá nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và chủ trang trại được tổ chức tín dụng cho vay không có tài sản bảo đảm theo các mức như sau:

- a) Tối đa 300 triệu đồng đối với cá nhân, hộ gia đình;
- b) Tối đa 500 triệu đồng đối với tổ hợp tác và hộ kinh doanh;
- c) Tối đa 03 tỷ đồng đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chủ trang trại.”

5. Sửa đổi tên Điều 12 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP đã được sửa đổi tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 116/2018/NĐ-CP như sau:

“Điều 12. Giữ nguyên nhóm nợ, khoanh nợ và cho vay mới”

6. Sửa đổi khoản 1 Điều 12 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP như sau:

“1. Tổ chức tín dụng được giữ nguyên nhóm nợ đối với khoản nợ có số dư nợ gốc, lãi đã được cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc tổ chức tín dụng cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với khách hàng gặp khó khăn do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng quy định tại Nghị định này; đồng thời căn cứ vào tính khả thi của dự án, phương án sản xuất kinh doanh, khả năng trả nợ của khách hàng để xem xét cho vay mới nhằm giúp khách hàng khắc phục khó khăn, ổn định sản xuất, thực hiện trả được nợ cũ và nợ mới cho tổ chức tín dụng.”

7. Sửa đổi khoản 2 Điều 13 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP như sau:

“2. Khoản nợ được giữ nguyên nhóm nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định này còn trong hạn theo thời hạn cơ cấu lại, tổ chức tín dụng không thực hiện điều chỉnh, phân loại lại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro cao hơn theo quy định về phân loại tài sản có trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Trường hợp khoản nợ này quá hạn theo thời hạn cơ cấu lại mà không được tiếp tục cơ cấu lại thời hạn trả nợ hoặc không còn số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với khách hàng gặp khó khăn do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng quy định tại Nghị định này, tổ chức tín dụng

thực hiện phân loại nợ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về phân loại tài sản có trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.”

8. Bổ sung Điều 15a vào Nghị định số 55/2015/NĐ-CP như sau:

“Điều 15a. Chính sách tín dụng khuyến khích sản xuất nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn

1. Khách hàng có dự án, phương án sản xuất kinh doanh sản phẩm nông nghiệp hữu cơ theo quy định của pháp luật về nông nghiệp hữu cơ hoặc dự án, phương án sản xuất kinh doanh sản phẩm nông nghiệp đáp ứng tiêu chí về kinh tế tuần hoàn theo quy định pháp luật về kinh tế tuần hoàn được tổ chức tín dụng xem xét cho vay không có tài sản bảo đảm tối đa bằng 70% giá trị của dự án, phương án.

2. Trường hợp khách hàng tại khoản 1 Điều này gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng thì khoản nợ vay được xử lý như đối với trường hợp tổ chức đầu mối thực hiện liên kết theo chuỗi giá trị quy định tại khoản 3 Điều 14 của Nghị định này.”

9. Sửa đổi khoản 2 Điều 25 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP như sau:

Phương án 1: “Trường hợp đồng thời có nhiều chính sách hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho khách hàng bị thiệt hại do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng, khách hàng vẫn được xem xét khoan nợ theo quy định tại Nghị định này.”

Phương án 2: “Trường hợp đồng thời có nhiều chính sách hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho khách hàng bị thiệt hại do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng, khách hàng được lựa chọn thụ hưởng một chính sách hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.”

10. Sửa đổi tên Điều 18 như sau:

“Điều 18. Bộ Nông nghiệp và Môi trường”

11. Sửa đổi tên Điều 21 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP như sau:

“Điều 21. Bộ Công Thương, Bộ Tư pháp”

Điều 2. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ, điều, khoản của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP

1. Thay thế các cụm từ:

a) Thay thế cụm từ “Điều 9, 14 và 15” tại khoản 2 Điều 5 bằng cụm từ “Điều 9, Điều 14, Điều 15 và Điều 15a”.

b) Thay thế cụm từ “khoanh nợ không tính lãi đối với dư nợ bị thiệt

hại” tại khoản 2 Điều 12 bằng cụm từ “khoanh nợ không tính lãi đối với số dư nợ bị thiệt hại của khách hàng từ thời điểm xảy ra thiệt hại”.

c) Thay thế cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương” tại khoản 2 Điều 12 và Mẫu biểu số 01 bằng cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tại các Khu vực”.

d) Thay thế cụm từ “khoản 3 Điều 14 và khoản 3 Điều 15” tại khoản 2 và khoản 4 Điều 12 bằng cụm từ “khoản 3 Điều 14, khoản 3 Điều 15 và khoản 2 Điều 15a”.

đ) Thay thế cụm từ “khoản 2 Điều 9, Điều 14 và Điều 15” tại khoản 1 Điều 13 bằng cụm từ “khoản 2 Điều 9, Điều 14, Điều 15 và Điều 15a”.

e) Thay thế cụm từ “Điều 12, 14 và 15” tại khoản 4 Điều 17, khoản 3 Điều 19, khoản 3 Điều 22 thành “Điều 12, Điều 14, Điều 15 và Điều 15a”.

Phương án 1: g) Thay thế cụm từ “giấy xác nhận chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đất không có tranh chấp” tại khoản 3 Điều 9 và khoản 2 Điều 22 bằng cụm từ “giấy xác nhận đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng chưa được cấp”.

Phương án 2: Bãi bỏ khoản 3 Điều 9.

2. Bãi bỏ khoản 3 Điều 8, Điều 20, khoản 3 Điều 21 của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2025.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo.
- Lưu: VT, KTTH (2b).

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**